

Số: 42 /QĐ-THPTCLQĐ

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai điều chỉnh phân bổ dự toán chi
ngân sách nhà nước năm 2023 của Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-UB ngày 26 tháng 4 năm 1997 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trường PTTH chuyên Lê Quý Đôn và Quyết định số 15/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 02 năm 2003 của UBND thành phố Đà Nẵng đổi tên thành Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của bộ phận Kế toán đơn vị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng, Kế toán và các bộ phận liên quan thuộc đơn vị thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT TP ĐN;
- Như Điều 3;
- Niêm yết công khai, website trường;
- Lưu :VT, KT.





Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn

Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC(Kèm theo Quyết định số 42/QĐ-THPTCLQĐ ngày 31/3/2023
của Hiệu trưởng Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn)

Đvt: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.750
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.750
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	



6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Số: 301 /QĐ-SGDĐT

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh phân bổ dự toán
chi ngân sách nhà nước năm 2023

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 4147/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 3236/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng-an ninh và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; Căn cứ tình hình thực hiện hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ học bổng, mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật học kỳ 2 năm học 2022-2023 và bổ sung học kỳ I năm học 2022-2023 tại các đơn vị, trường học trực thuộc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tăng, giảm phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các đơn vị, trường học trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo để hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ học bổng, mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2023 được điều chỉnh, thủ trưởng các đơn vị, trường học chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng qui định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và thủ trưởng đơn vị, trường học trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN thành phố;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Lê Thị Bích Thuận

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN PHÂN BỐ
CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /3/2023 của Sở GDĐT)

Tính chất nguồn kinh phí: 12

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	TÊN ĐƠN VỊ - LOẠI - KHOẢN	Mã ĐV QHNS	Mã kho bạc	Kho bạc giao dịch	Dự toán điều chỉnh giảm	Dự toán điều chỉnh tăng		
						Tổng cộng	Hỗ trợ chi phí học tập	Học bổng ĐDHT HS K.Tật
I	LK 072					619.028	280.500	338.528
1	Trung tâm HTPTGDHN	1076378	0166	Liên Chiểu		286.188	120.500	165.688
2	Trường CB Trưng Lai	1012109	0161	Đà Nẵng		332.840	160.000	172.840
II	LK 074					910.110	662.932	247.178
1	THPT Phan Châu Trinh	1006806	0161	Đà Nẵng		13.500	13.500	0
2	THPT Trần Phú	1006666	0161	Đà Nẵng		35.710	29.750	5.960
3	THPT Nguyễn Hiền	1070871	0161	Đà Nẵng		42.170	30.250	11.920
4	THPT Hòa Vang	1006802	0168	Cẩm Lệ		19.960	14.000	5.960
5	THPT Ông Ích Khiêm	1070487	0162	Hòa Vang		62.000	32.200	29.800
6	THPT Thái Phiên	1006569	0163	Thanh Khê		44.110	38.150	5.960
7	THPT Hoàng Hoa Thám	1006570	0164	Sơn Trà		13.500	13.500	0
8	THPT Ngô Quyền	1070725	0164	Sơn Trà		56.130	38.250	17.880
9	THPT Ngũ Hành Sơn	1070732	0165	N.H.Son		57.340	34.250	23.090
10	THPT Nguyễn Trãi	1070731	0166	Liên Chiểu		32.250	32.250	0
11	THPT Phạm Phú Thứ	1062985	0166	Liên Chiểu		54.770	42.850	11.920
12	THPT Phan Thành Tài	1069371	0162	Hòa Vang		65.972	42.132	23.840
13	THPT Nguyễn Thượng Hiền	1062837	0166	Liên Chiểu		58.380	40.500	17.880
14	THPT Tôn Thất Tùng	1041467	0164	Sơn Trà		89.440	65.600	23.840
15	THPT Thanh Khê	1026270	0163	Thanh Khê		25.950	25.950	0
16	THPT Cẩm Lệ	1114188	0168	Cẩm Lệ		38.278	28.750	9.528
17	THPT Liên Chiểu	1121951	0166	Liên Chiểu		62.420	50.500	11.920
18	THPT Võ Chí Công	1123991	0165	N.H.Son		54.640	30.800	23.840
19	THPT Sơn Trà	1127102	0164	Sơn Trà		41.420	29.500	11.920
20	THPT chuyên Lê Quý Đôn	1006801	0164	Sơn Trà		3.750	3.750	0
21	THPT Nguyễn Văn Thoại	1130309	0168	Cẩm Lệ		11.250	11.250	0
22	THCS-THPT Nguyễn Khuyến	1063083	0161	Đà Nẵng		27.170	15.250	11.920
III	LK 075					80.550	80.550	0
1	TTGDTX Số 01	1070733	0164	Sơn Trà		29.550	29.550	0
2	TTGDTX Số 02	1076373	0163	Thanh Khê		43.500	43.500	0
3	TTGDTX Số 03	1033043	0168	Cẩm Lệ		7.500	7.500	0
IV	Sở GDĐT - LK 098	1012275	0161	Đà Nẵng	1.609.688			
	* Tổng cộng				1.609.688	1.609.688	1.023.982	585.706

(Chữ ký)